TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 149/2018/HS-ST
Ngày 19 – 9 – 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH – TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Trang và ông Phạm Đức Toàn

***- Thư ký phiên tòa*:**

Ông Lê Tiến Thành – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Lương Duy Hiển – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 141/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Vũ Thị L, sinh ngày 10/8/1967 tại Thái Bình; Nơi cư trú: Số nhà 01/3/426, đường L, tổ 9, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Kim T (đã chết) và bà Trần Thị T; Chồng là Nguyễn Quang T (đã chết), có một con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số 60 ngày 31/01/2008 của Công an huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 700.000 đồng về hành vi đánh bạc; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/6/2018 đến ngày 13/6/2018 chuyển tạm giam; có mặt.

2.1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Đỗ Công N, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

2.2. Người chứng kiến: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1955

Nơi cư trú: Số nhà 85, Tổ 3, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

2.3. Người làm chứng:

- Anh Vũ Ngọc K, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số nhà 149, đường P, Tổ 39, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số nhà 01/3/426, đường L, tổ 9, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

- Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số nhà 07, tổ 28, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 03/6/2018, Vũ Thị L đi bộ đến khu vực Công viên Lê Quý Đôn thuộc tổ 22, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình gặp và mua của một người phụ nữ khoảng 40 tuổi không biết tên và địa chỉ 01 túi ma túy đá với giá 800.000 đồng, rồi mang về nhà mục đích để bán kiếm lời. Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 03/6/2018, Đỗ Công N mượn điện thoại của người đi đường không quen biết để gọi điện thoại cho Vũ Thị L có số thuê bao 0944690268 để hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá, L đồng ý và hẹn N đến nhà L. Sau khi nghe điện xong, L lấy túi ma túy đá vừa mua được lấy ra một lượng nhỏ cho vào 01 túi nilon trong suốt và cất giấu 02 túi ma túy đá vào túi quần bên phải. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 03/6/2018, N thuê xe ôm của anh Phạm Ngọc T chở đến nhà L, anh T đứng dưới nhà đợi N, còn N lên tầng 2 gặp L. Khi N đến, nhà L còn có Nguyễn Đức M (con trai L) và Vũ Ngọc K (cháu ruột của L). Thấy N lên tầng 2, L đi ra đầu cầu thang gặp và đưa cho N 01 túi ma túy nhỏ. N cầm túi ma túy cất vào túi quần bên trái và đưa cho L 300.000 đồng. Khi L vừa cất 300.000 đồng vào túi quần bên phải

thì bị Tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình phát hiện, bắt quả tang. Trước sự chứng kiến của bà Bùi Thị H, Tổ công tác kiểm tra người Đỗ Công N thu 01 túi ma túy đá vừa mua của L, N khai mua ma túy để sử dụng, Tổ công tác niêm phong túi ma túy ký hiệu M1; Vũ Thị L tự giác lấy từ trong túi quần bên phải đang mặc 01 túi nilon trong suốt, bên trong có chứa các hạt tinh thể trong suốt L khai đó là ma túy đá để bán kiếm lời, Tổ công tác niêm phong ký hiệu M2 và số tiền 300.000 đồng L khai là tiền vừa bán ma túy cho N; Tổ công tác kiểm tra người L thu tại túi quần bên phải 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar màu vàng – đen; kiểm tra người Vũ Ngọc K thu 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen và 01 điện thoại Iphone màu vàng – trắng; kiểm tra người Nguyễn Đức M và Phạm Ngọc T cùng phương tiện là chiếc xe mô tô của T nhưng không phát hiện, thu giữ gì. Quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở của Vũ Thị L, thu dưới nền nhà phòng ở tầng 2 của L 02 nỏ bằng thủy tinh.

Tại kết luận giám định số 205/KLGĐ-PC54 ngày 04/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: "*Mẫu M1 gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0892 gam; Mẫu M2 gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,7401 gam".*

Cáo trạng số 150/CT-VKSTP ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Vũ Thị L về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thị L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Thị L phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

* Về hình phạt: Áp dụng Khoản 1, Khoản 5 Điều 251; Điều 38; Điều 50; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/6/2018. Phạt tiền bị cáo 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định; Tịch thu 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar màu vàng – đen quản lý của bị cáo; Tịch thu 300.000 đồng là tiền bị cáo bán ma túy cho N mà có để nộp Ngân sách Nhà nước; Tịch thu tiêu hủy 02 nỏ thủy tinh thu giữ tại nhà bị cáo; Trả lại anh Vũ Ngọc K 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen và 01 điện thoại Iphone màu vàng – trắng do không liên quan đến tội phạm.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, L có hành vi bán cho Đỗ Công N 01 túi ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 0,0892 gam với giá 300.000 đồng. Ngoài ra, L còn tàng trữ trong người 0,7401 gam ma túy loại Methamphetamine mục đích để bán kiếm lời. Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người chứng kiến, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản quản lý, niêm phong vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội, đi ngược lại với

cuộc đấu tranh bài trừ tệ nạn ma túy của Nhà nước. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý phạm tội. Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định về tội tàng trữ trái phép chất ma túy: *"1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm"*. Như vậy, hành vi của bị cáo Vũ Thị L đủ căn cứ xác định bị cáo phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vũ Thị L khai báo thành khẩn nên được áp dụng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người có nhân thân xấu, phạm tội nghiêm trọng, do vậy cần phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định: *"5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng..."*. Bị cáo mua bán trái phép chất ma túy có mục đích vụ lợi nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án: Theo quy định tại Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, mua bán và 02 nỏ thủy tinh không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar màu vàng đen bị cáo dùng để giao dịch mua bán ma túy và số tiền 300.000 đồng là tiền bán ma túy mà có nên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen và 01 điện thoại Iphone màu vàng – trắng do không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho anh Vũ Ngọc K.

[7] Đỗ Công N là người mua ma túy của Vũ Thị L mục đích là để sử dụng cho bản thân. N chưa có tiền án, tiền sự, khối lượng ma túy N mua của L chưa đủ để khởi tố về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nên ngày 06/6/2018, Công an tỉnh Thái Bình đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 17 bằng hình thức phạt cảnh cáo đối với Đỗ Công N là đúng pháp luật.

[8] Về nguồn gốc số ma túy thu của Vũ Thị L, khi bị bắt L khai mua của Vũ Ngọc Knhưng sau đó lại thay đổi lời khai là mua của một người phụ nữ khoảng 40 tuổi không quen biết tại khu vực Công viên Lê Quý Đôn. Lý do thay đổi lời khai là khi bị bắt quá lo sợ nên khai không đúng. Quá trình điều tra Vũ Ngọc K khai không bán ma túy cho L. Do vậy, không có căn cứ xác định K đã bán ma túy cho L nên cơ quan điều tra không xử lý đối với Vũ Ngọc K là đúng pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không xác định được người bán ma túy cho bị cáo Vũ Thị L nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Khi bắt quả tang L bán ma túy cho N, tại nhà L còn có Nguyễn Đức M và anh Phạm Ngọc T. Quá trình điều tra xác định M, T không biết, không liên quan đến việc L bán ma túy cho N nên không xử lý đối với M, T là đúng pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo Vũ Thị L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Vũ Thị L, người có nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Công N có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, Khoản 5 Điều 251; Điều 38; Điều 46; Điều 47; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thị L phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy."

2. Xử phạt bị cáo Vũ Thị L 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/6/2018. Phạt tiền bị cáo 5.000.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng : Tịch thu toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định chứa trong 02 phong bì niêm phong vật chứng số 205/KLGĐ-PC54 và 02 nỏ thủy tinh để tiêu hủy; Tịch thu 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar màu vàng đen và số tiền 300.000 đồng quản lý của bị cáo để nộp Ngân sách Nhà nước; Trả lại Vũ Ngọc K 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen và 01 điện thoại Iphone màu vàng – trắng.

(Các vật chứng trên có đặc điểm mô tả như trong Biên bản giao nhận vật chứng đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 06/9/2018).

4. Về án phí : Bị cáo Vũ Thị L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo : Bị cáo Vũ Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/9/2018. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Đỗ Công N có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND TP. Thái Bình;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Chi cục THADS TP.Thái Bình;*
- *Cơ quan điều tra CATP Thái Bình;*
- *Cơ quan Thi hành án hình sự CATP Thái Bình;*
- *UBND phường Đ;*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**